

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số: 09/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Phước Sơn)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SO SÁNH	
				TUYỆT ĐỐI	TƯƠNG ĐỐI (%)
	TỔNG CHI NSDP	640.800.000.000	1.600.077.769.859	959.277.769.859	249,7%
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (1)	77.938.000.000	77.938.000.000	-	100,0%
B	CHI BỔ SUNG MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	48.597.000.000	139.201.052.711	90.604.052.711	286,4%
C	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	514.265.000.000	488.984.769.437	-25.280.230.563	95,1%
I	Chi đầu tư phát triển	210.528.000.000	213.657.907.013	3.129.907.013	101,5%
1	Chi đầu tư cho các dự án	210.528.000.000	213.657.907.013	3.129.907.013	101,5%
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.000.000.000	17.791.434.000	15.791.434.000	889,6%
-	Chi khoa học và công nghệ		-	-	
-	Chi quốc phòng	2.000.000.000	43.267.000	-1.956.733.000	
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	4.718.000.000	5.069.696.000	351.696.000	
-	Chi y tế, dân số và gia đình		-	0	
-	Chi văn hóa thông tin		1.095.283.092	1.095.283.092	
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		-	0	
-	Chi thể dục thể thao	11.486.000.000	19.941.987.000	8.455.987.000	173,6%
-	Chi bảo vệ môi trường		-	0	
-	Chi các hoạt động kinh tế	126.577.000.000	154.810.387.921	28.233.387.921	122,3%
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	18.551.000.000	14.905.852.000	-3.645.148.000	80,4%
-	Chi bảo đảm xã hội		-	-	
-	Chi đầu tư ngành, lĩnh vực khác	45.196.000.000	-	-45.196.000.000	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		-	-	
3	Chi đầu tư phát triển khác		-	-	
II	Chi thường xuyên	291.310.000.000	275.326.862.424	-15.983.137.576	94,5%
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	139.524.000.000	152.708.750.780	13.184.750.780	109,4%
-	Chi khoa học và công nghệ (2)	50.000.000	-	-50.000.000	0,0%
-	Chi quốc phòng	6.570.000.000	6.926.866.214	356.866.214	105,4%
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	2.330.000.000	1.894.000.000	-436.000.000	81,3%
-	Chi y tế, dân số và gia đình	556.000.000	1.032.340.100	476.340.100	185,7%
-	Chi văn hóa thông tin	6.268.000.000	8.517.233.455	2.249.233.455	135,9%
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	2.095.000.000	1.976.690.000	-118.310.000	94,4%
-	Chi thể dục thể thao	800.000.000	2.433.351.000	1.633.351.000	304,2%
-	Chi bảo vệ môi trường	1.265.000.000	4.706.711.914	3.441.711.914	372,1%
-	Chi các hoạt động kinh tế	64.631.000.000	31.800.878.230	-32.830.121.770	49,2%
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	43.084.000.000	45.537.554.589	2.453.554.589	105,7%
-	Chi bảo đảm xã hội	16.162.000.000	14.685.139.452	-1.476.860.548	90,9%
-	Chi khác	7.975.000.000	3.107.346.690	-4.867.653.310	39,0%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)		-	-	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)		-	-	
V	Dự phòng ngân sách	11.000.000.000	-	-11.000.000.000	0,0%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	1.427.000.000	-	-1.427.000.000	0,0%
D	CHI NỢ TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		288.981.913.129	288.981.913.129	
E	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		604.972.034.582	604.972.034.582	

Ghi chú: (1) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới.
(2) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.